

Số: 1610/2019/QĐST-HNGĐ

B, ngày 01 năm 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, 6 và 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 2151/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

- **Bà Trần Thị Kim T**, sinh năm 1966.

Thường trú: Số 873B, tổ 2, khu phố 8A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Ông Phan Đức H**, sinh năm 1966.

Thường trú: Số 873B, tổ 2, khu phố 8A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Phan Đức H chung sống với nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 151 ngày 14 tháng 4 năm 1994, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ các Điều 5, 6 và 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà T và ông H có 02 người con chung tên Phan Trung T, sinh ngày 16/4/1996 và Phan Thụy V, sinh ngày 21/6/2001. Ly hôn, cả hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà T và ông H mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000690 ngày 23 tháng 9 năm 2019. Bà T và ông H đã nộp đủ tiền lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Phan Đức H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà T và ông H có 02 người con chung tên Phan Trung T, sinh ngày 16/4/1996 và Phan Thụy V, sinh ngày 21/6/2001. Ly hôn, các con của bà T và ông H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà T và ông H mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000690 ngày 23 tháng 9 năm 2019. Bà T và ông H đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP. B;
- THA DS TP. B;
- UBND xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng Phương